TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2026/DS-ST
Ngày 13-5-2026
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vinh.

2. Ông Võ Tòng Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Thảo Vy là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2026/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026 về "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Tiểu T, sinh năm 1968; nơi cư trú: C, ấp D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Lương Thanh N, sinh năm 1989; nơi thường trú: 9, hẻm C, đường P, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: A H, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Lương Minh N1, sinh năm 1982; nơi cư trú: 9, hẻm C, đường P, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà là dì ruột của chị N và anh N1, chị N và anh N1 là con ruột của Huỳnh Thị Hoa Đ (là em ruột của bà).

Anh N1 và chị N cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lúc trước bà có 1 bản photo nhưng bị mất), giấy này thế chấp vay bên ngoài, đến khi trả nợ không được, bị người ta lấy nhà, bà sợ là không có nhà đất để thờ cúng cha mẹ (do mẹ của anh N1 và chị N chưa mãn tang) nên mới cho anh N1 và chị N mượn vàng của bà để trả nợ lấy giấy đất lại, chị N và anh N1 làm giấy bán nhà và đất ngày 01/10/2023, người mua là bà, người bán là anh N1 và chị N, giấy này do chị N viết, có chữ ký của bà, anh N1, chị N và người làm chứng Huỳnh Thị Thanh T1, mục đích để làm tin, thực chất là giấy mượn vàng, số vàng anh N1 và chị N mượn là 4,5 cây vàng 24K 990. Sau đó, do số vàng không đủ trả nên ngày 05/10/2023, anh N1 và chị N làm giấy mượn thêm 01 cây 3 phân vàng, trong đó có 01 cây vàng bà mượn của mẹ bà, tổng ghi là 05 cây 08 chỉ 05 phân vàng; đến chiều ngày 05/10/2023, sau khi trả hết nợ, anh N1 và chị N đã tự trả lại cho mẹ bà là 05 phân, còn nợ bà là 05 cây 08 chỉ vàng. Các bên thống nhất thời gian trả 18 tháng, không thỏa thuận tiền lãi.

Đối với giấy trả nợ vàng tiền do chị N, anh N1 giao nộp thể hiện anh N1 và chị N trả cho bà 02 cây 03 chỉ 09 phân vàng, bà thống nhất; tuy nhiên, do hai bên có quan hệ họ hàng nên thống nhất chốt số vàng anh N1 và chị N còn nợ là 03 cây 04 chỉ vàng (34 chỉ vàng).

Vì vậy, bà yêu cầu anh N1 và chị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 34 (ba mươi bốn) chỉ vàng 24K 990, bà chỉ nhận trả vàng, không nhận trả tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Lương Thanh N trình bày:

Chị thống nhất lời trình bày của bà T. Chị là cháu ruột của bà T, mẹ chị là Huỳnh Thị Hoa Đ, anh N1 là anh ruột của chị. Chị và anh N1 có mượn của bà T 05 cây 08 chỉ 05 phân vàng 24K 990, để trả số tiền nợ là 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng. Do bà T không có tiền mà có vàng nên mới mượn vàng. Các bên thống nhất thời gian trả 18 tháng, không thỏa thuận tiền lãi. Chị và anh N1 làm giấy bán nhà và đất ngày 01/10/2023, người mua là bà T, người bán là chị và anh N1, giấy này do chị viết, có chữ ký của bà T, anh N1, chị và người làm chứng Huỳnh Thị Thanh T1, mục đích để làm tin, thực chất là giấy mượn vàng. Chị xác định chữ ký, chữ viết "Lương Thanh N" và "Lương Minh N1"

trong giấy mượn vàng do chị và anh N1 viết và ký tên; nội dung là chị viết.

Sau đó, chị và anh N1 trả dần cho bà T, cụ thể: năm 2023 âm lịch đã trả trước 01 cây 08 chỉ 04 phân, ngày 13/5/2024 âm lịch trả thêm 01 chỉ; ngày 04/8/2024 (01/7/2024 âm lịch) trả thêm 01 chỉ vàng, ngày 04/12/2024 (04/11/2024 âm lịch) trả thêm 05 phân vàng; ngày 26/11/2025 (ngày 27/12/2024 âm lịch) trả thêm 01 chỉ vàng; ngày 04/4/2025 (ngày 07/3/2025 âm lịch) trả thêm 05 phân vàng, ngày 25/6/2025 (ngày 01/6/2025 âm lịch) trả thêm 1,5 chỉ vàng. Vàng các lần trả là vàng nhẫn trơn (990), người nhận vàng là Huỳnh Thị Thanh T1 là dì út của chị. Hiện nay, chị và anh N1 còn nợ bà T 03 cây 04 chỉ vàng.

Bà T đã đòi nhiều lần, nhưng giá vàng quá cao nên chị và anh N1 không trả được cho bà T. Hiện nay, chị không có nợ cá nhân, chỉ nợ Quỹ tín dụng Long Thành Bắc 100.000.000 đồng; không có nghĩa vụ trả tiền theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án; không bị kê biên, xử lý tài sản tại cơ quan thi hành án dân sự. Khoản nợ vàng giữa bà T với chị và anh N1 là nợ thật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ý kiến của chị như sau: Chị đồng ý chị và anh N1 có nghĩa vụ liên đới trả 34 (ba mươi bốn) chỉ vàng 24K 990 nhưng trả theo giá trị vàng tương đương hiện nay, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Minh N1 trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của bà T, chị N. Anh là cháu ruột của bà T, mẹ anh là Huỳnh Thị Hoa Đ, chị N là em ruột của anh. Ngày 05/10/2023, anh và chị N có mượn của bà T 05 cây 08 chỉ 05 phân vàng 24K 990, để trả số tiền nợ là 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng. Do bà T không có tiền mà có vàng nên mới mượn vàng. Các bên thống nhất thời gian trả 18 tháng, không thỏa thuận tiền lãi. Anh và chị N làm giấy bán nhà và đất ngày 01/10/2023, người mua là bà T, người bán là anh và chị N, giấy này do chị N viết, có chữ ký của bà T, anh, chị N và người làm chứng Huỳnh Thị Thanh T1, mục đích để làm tin, thực chất là giấy mượn vàng. Anh xác định chữ ký, chữ viết "Lương Thanh N" và "Lương Minh N1" trong giấy mượn vàng do anh và chị N viết và ký tên; nội dung là chị N viết. Sau đó, anh và chị N trả dần số vàng cho bà T, anh và chị N còn nợ bà T 03 cây 04 chỉ vàng.

Bà T đã đòi nhiều lần, nhưng giá vàng quá cao nên anh và chị N không trả được cho bà T. Hiện nay, anh không có nợ cá nhân, chỉ nợ Ngân hàng C, Hòa

Thành 36.000.000 đồng; không có nghĩa vụ trả tiền theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án; không bị kê biên, xử lý tài sản tại cơ quan thi hành án dân sự. Khoản nợ vàng giữa bà T với anh và chị N là nợ thật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ý kiến của anh như sau: anh đồng ý anh và chị N có nghĩa vụ liên đới trả 34 (ba mươi bốn) chỉ vàng 24K 990 nhưng trả theo giá trị vàng tương đương hiện nay, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với chị N và anh N1. Buộc chị N và anh N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T 34 (ba mươi bốn) chỉ vàng 24K 990. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp đòi tài sản, bị đơn cư trú tại phường T, tỉnh Tây Ninh. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 quy định thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Giấy bán nhà và đất ngày 01/10/2023 (tờ 1), tờ 2 là giấy mượn vàng ngày 05/10/2023 (bút lục 30-31); Giấy trả nợ vàng tiền (bút lục 33- 34); và lời trình bày của bà T, chị N, anh N1 thấy rằng: năm 2023, chị N và anh N1 có vay của bà T 05 cây 08 chỉ 05

phân vàng 24K 990, thời gian trả: 18 tháng, không thỏa thuận lãi. Do đó, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Các bên thống nhất chị N và anh N1 đã trả cho bà T tổng cộng 02 cây 03 chỉ 09 phân vàng 24K 990, bà T tự nguyện xác nhận chị N và anh N1 còn nợ lại bà T 03 cây 04 chỉ vàng 24K 990 nên ghi nhận. Bà T đã đòi nhiều lần nhưng chị N và anh N1 không thực hiện nghĩa vụ trả vàng cho bà T nên chị N và anh N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả vàng. Do chị N và anh N1 vay vàng nên có nghĩa vụ trả vàng. Do đó, căn cứ Điều 166, Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, chị N và anh N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T 34 (ba mươi bốn) chỉ vàng 24K 990.

[3] Về tiền lãi: Các bên không thỏa thuận trả lãi, bà T không yêu cầu chị N và anh N1 trả tiền lãi nên ghi nhận.

[4] Về yêu cầu trả dần của bị đơn: Chị N và anh N1 yêu cầu được trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu trả dần của bị đơn không được bà T chấp nhận và không phù hợp Điều 466 nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; giá trị vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm bán ra = 34 (ba mươi bốn) chỉ vàng 24K 990 x 15.550.000/chỉ (giá vàng được xác định tại thời điểm xét xử sơ thẩm bán ra là 15.550.000 đồng/chỉ vàng 24K 990) = 528.700.000 đồng; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% x (528.700.000 đồng - 400.000.000 đồng) = 25.148.000 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tiểu T đối với chị Lương Thanh N và anh Lương Minh N1.

Buộc chị Lương Thanh N và anh Lương Minh N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Tiểu T 34 (ba mươi bốn) chỉ vàng 24K 990. Ghi nhận bà Huỳnh Thị Tiểu T không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí:

Chị Lương Thanh N và anh Lương Minh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.148.000 (hai mươi lăm triệu một trăm bốn mươi tám) đồng.

Bà Huỳnh Thị Tiểu T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 14.240.000 (mười bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005157 ngày 17/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND khu vực 10 - Tây Ninh;*
- *Phòng THADS khu vực 10;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu 02.D01.149.10.866163.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh Hằng